

THÔNG BÁO

Về việc xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong kì thi tuyển sinh
đại học chính quy năm 2019 vào Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT, ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 796/ BGDDT – GDĐH ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định cơ chế đặc thù trong đào tạo liên thông bậc THPT và bậc đại học ở ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định 769/QĐ-ĐHQGHN ngày 08/03/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 718 /HD – ĐHQGHN ngày 13 tháng 03 năm 2019 Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2019 ở ĐHQGHN của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ- ĐHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Ngoại ngữ;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2019 được ban hành kèm Công văn số 258/ ĐHNN- ĐT ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN;

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN-ĐHQGHN) thông báo về việc tuyển thẳng, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong kì thi tuyển sinh đại học chính quy năm 2019 vào các ngành học của Trường như sau:

1. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1.1 Đối tượng xét tuyển thẳng

Đối tượng 1: Thí sinh đạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba) trong kì thi chọn Học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, thi đỗ tốt nghiệp THPT quốc gia và đạt hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT;

Đối tượng 2: Thí sinh là học sinh trường chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, là thành viên chính thức đội tuyển dự kì thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kĩ thuật khu vực, Quốc tế, thi đỗ tốt nghiệp THPT quốc gia và đạt hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT;

Đối tượng 3: Thí sinh đạt giải chính thức (Nhất, Nhì, Ba) trong kì thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN, thi đỗ tốt nghiệp THPT quốc gia và đạt hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT;

Đối tượng 4: Thí sinh là học sinh trường chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kì thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi đỗ tốt nghiệp THPT quốc gia và đạt hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT;

Đối tượng 5: Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN và các lớp chuyên thuộc các trường chuyên (*trong danh mục các trường THPT chuyên được phân bổ chỉ tiêu tuyển thẳng vào trường ĐH Ngoại ngữ năm 2019*) đạt danh hiệu học sinh giỏi từng năm học trong cả 3 năm THPT và có tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28,0 điểm, trong đó không có điểm bài thi/môn thi nào dưới 5,0 điểm.

Đối tượng 6:

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK): Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 3 môn phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo tương ứng, trong đó có ít nhất một trong hai môn Toán, Ngữ văn. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký để xét tuyển.
- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

Ghi chú:

- *Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức hoặc kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả và được tuyển thẳng vào trường ĐHNN - ĐHQGHN khi đáp ứng đủ các tiêu chí hạnh kiểm Tốt 3 năm THPT và thi đỗ tốt nghiệp THPT.*

1.2 Đối tượng ưu tiên xét tuyển

(1) Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng thì được ưu tiên xét tuyển nếu đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào ngành đào tạo tuyển sinh trong năm.

(2) Trường ĐHNN ưu tiên xét tuyển đối với các học sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2019 đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố có môn thi phù hợp với ngành/chương trình đào tạo và đồng thời đáp ứng các điều kiện: đạt học lực loại giỏi liên tục trong 3 năm học bậc THPT; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành.

2. Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

2.1 Đối tượng 1,2,3 và 4

- Phiếu đăng kí xét tuyển thẳng (*Theo mẫu của Bộ GD & ĐT- Phụ lục 3*)
- Giấy chứng nhận đạt giải – đối tượng 1,3 (*bản sao có công chứng*)
- Chứng nhận thành viên đội tuyển (nếu có) – đối tượng 2,4 (*bản sao có công chứng*)
- Học bạ THPT 3 năm (*bản sao có công chứng*)
- Giấy chứng nhận kết quả thi THPT (*bổ sung sau khi nhập học*)
- Ảnh chân dung 4x6 (*chụp trong phạm vi 6 tháng tính từ ngày nộp hồ sơ*).

2.2 Đối tượng 5

- Phiếu đăng kí xét tuyển thẳng (*Theo mẫu của Bộ GD & ĐT – Phụ lục 4*)

- Học bạ THPT 3 năm (*bản sao có công chứng*)
- Giấy chứng nhận kết quả thi THPT (*bổ sung sau khi nhập học*)
- Ảnh chân dung 4x6 (*chụp trong phạm vi 6 tháng tính từ ngày nộp hồ sơ*).

2.3 Đối tượng 6

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*Theo mẫu của ĐHQGHN – Phụ lục 6 A-Level, Phụ lục 7 SAT*)
- Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK (*bản sao có công chứng*))
- Chứng nhận kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi) (*bản sao có công chứng*)
- Học bạ của thí sinh ở các năm học THPT (*bản sao có công chứng*)
- Sơ yếu lý lịch (*có xác nhận của chính quyền địa phương*)

2.4 Đối tượng ưu tiên xét tuyển

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (*Theo mẫu của Bộ GD-ĐT – Phụ lục 5*)
- Giấy chứng nhận đạt giải cấp tỉnh trở lên/cấp ĐHQGHN (*bản sao có công chứng*)
- Học bạ THPT 3 năm (*bản sao có công chứng*)
- Giấy chứng nhận kết quả thi THPT (*bổ sung sau khi nhập học*)
- Ảnh chân dung 4x6 (*chụp trong phạm vi 6 tháng tính từ ngày nộp hồ sơ*).

3. Quy trình nộp hồ sơ

3.1 Đối tượng 1

Nộp hồ sơ qua các Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận, gửi toàn bộ Hồ sơ về Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019 của Trường ĐHNN – ĐHQGHN.

3.2 Đối tượng 2, 3, 4, 5 và đối tượng ưu tiên xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển gửi theo đường bưu điện về Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019 trường ĐHNN – ĐHQGHN.

3.3 Đối tượng 6

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019 của trường ĐHNN – ĐHQGHN.

4. Thời hạn

- Hồ sơ của thí sinh thuộc đối tượng 1,2,3,4,5 và đối tượng ưu tiên xét tuyển được gửi cho Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019 trường ĐHNN - ĐHQGHN trước ngày 01/06/2019.
- Hồ sơ của thí sinh thuộc đối tượng 6 nộp trực tiếp tại Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019 trường ĐHNN – ĐHQGHN trước 10/08/2019.

Ghi chú: Các công văn đề nghị xét tuyển/ hồ sơ xét tuyển gửi quá thời hạn trên (căn cứ theo dấu bưu điện) được coi như không hợp lệ và không được xét tuyển.

5. Địa chỉ liên hệ

- Hội đồng tuyển sinh ĐHCQ 2019: Phòng Đào tạo P.107 nhà A1, trường ĐHNN-ĐHQGHN, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- SĐT liên hệ: (024)37548137. E-mail: viethoann47@gmail.com

6. Thông báo kết quả

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN xét và công bố kết quả trúng tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trước 17h00 ngày 18/07/2019. Kết quả được đăng tải trên website: <http://ulis.vnu.edu.vn>

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các Sở GD&ĐT; các trường THPT chuyên;
- Lưu: HCTH, ĐT, Vh20.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



★Nguyễn Xuân Long

PHỤ LỤC 1

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN ĐƯỢC PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
TUYỂN THĂNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN NĂM 2019**
Ban hành kèm Thông báo số: 270 /TB-ĐHNN ngày 20 tháng 03 năm 2019

STT	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/Thành phố	Tên trường
Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học			
1	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
3	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, ĐHQGHN
4	02	Hồ Chí Minh	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. HCM
5	02	Hồ Chí Minh	Trường Trung học thực hành, Đại học Sư phạm TP. HCM
6	29	Nghệ An	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	Trường THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố			
9	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	Trường THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	Trường THPT Sơn Tây
13	02	Hồ Chí Minh	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	Hồ Chí Minh	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	Hồ Chí Minh	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	Hồ Chí Minh	Trường THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	Trường THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	Trường THPT chuyên Cao Bằng
21	07	Lai Châu	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08	Lào Cai	Trường THPT chuyên Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	Trường THPT chuyên Chu Văn An
25	11	Bắc Kạn	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	Trường THPT chuyên Thái Nguyên
27	13	Yên Bái	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	Trường THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	Trường THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	Trường THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	Trường THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	Trường THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	Trường THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong

39	26	Thái Bình	Trường THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	Trường THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	Trường THPT chuyên Quốc Học
47	34	Quảng Nam	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	34	Quảng Nam	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	35	Quảng Ngãi	Trường THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	38	Gia Lai	Trường THPT chuyên Hùng Vương
53	39	Phú Yên	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh
54	40	Đắk Lắk	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
55	41	Khánh Hòa	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
56	42	Lâm Đồng	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt
57	42	Lâm Đồng	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
58	43	Bình Phước	Trường THPT chuyên Quang Trung
59	43	Bình Phước	Trường THPT chuyên Bình Long
60	44	Bình Dương	Trường THPT chuyên Hùng Vương
61	45	Ninh Thuận	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
62	46	Tây Ninh	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
63	47	Bình Thuận	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
64	48	Đồng Nai	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
65	49	Long An	Trường THPT chuyên Long An
66	50	Đồng Tháp	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
67	50	Đồng Tháp	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
68	51	An Giang	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
69	51	An Giang	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
70	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
71	53	Tiền Giang	Trường THPT chuyên Tiền Giang
72	54	Kiên Giang	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
73	55	Cần Thơ	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
74	56	Bến Tre	Trường THPT chuyên Bến Tre
75	57	Vĩnh Long	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
76	58	Trà Vinh	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
77	59	Sóc Trăng	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
78	60	Bạc Liêu	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
79	61	Cà Mau	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
80	62	Điện Biên	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
81	63	Đắk Nông	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
82	64	Hậu Giang	Trường THPT chuyên Vị Thanh

Danh sách gồm 82 trường

PHỤ LỤC 2

2.1 CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN THẲNG 2019

Ban hành kèm Thông báo số:270 /TB-ĐHNN ngày 20 tháng 03 năm 2019

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	12
2.	7220201CLC	Ngôn ngữ Anh** CLC TT23	22
3.	7140231	Sư phạm tiếng Anh	16
4.	7220202	Ngôn ngữ Nga	6
5.	7220203	Ngôn ngữ Pháp	6
6.	7220203CLC	Ngôn ngữ Pháp** CLC TT23	6
7.	7220204CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc ** CLC TT23	16
8.	7140234	Sư phạm tiếng Trung Quốc	2
9.	7220205	Ngôn ngữ Đức	5
10.	7220205CLC	Ngôn ngữ Đức** CLC TT23	6
11.	7220209 CLC	Ngôn ngữ Nhật Bản ** CLC TT23	16
12.	7140236	Sư phạm tiếng Nhật	2
13.	7220210 CLC	Ngôn ngữ Hàn Quốc ** CLC TT23	16
14.	7140237	Sư phạm tiếng Hàn Quốc	2
15.	7220211	Ngôn ngữ Ả Rập	3
TỔNG			136

2.2 DANH MỤC MÔN ĐẠT GIẢI VÀ NGÀNH HỌC ĐƯỢC XÉT TUYỂN THẮNG

Ban hành kèm Thông báo số 270 /TB-ĐHNN ngày 20 tháng 03 năm 2019

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1.	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
2.	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga	7220202
3.	Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
4.	Tiếng Trung	Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
5.	Tiếng Đức	Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
6.	Tiếng Nhật	Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
7.	Toán	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202

		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
8.	Vật lí	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
9.	Hóa học	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234

		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
10.	Sinh học	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
11.	Ngữ văn	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236

		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
12.	Lịch sử	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211
13.	Địa lý	Ngôn ngữ Anh	7220201
		Sư phạm tiếng Anh	7140231
		Ngôn ngữ Anh** CTĐT CLC TT23	7220201CLC
		Ngôn ngữ Nga	7220202
		Ngôn ngữ Pháp	7220203
		Ngôn ngữ Pháp** CTĐT CLC TT23	7220203CLC
		Ngôn ngữ Trung Quốc** CTĐT CLC TT23	7220204CLC
		Sư phạm tiếng Trung	7140234
		Ngôn ngữ Đức	7220205
		Ngôn ngữ Đức** CTĐT CLC TT23	7220205CLC
		Ngôn ngữ Nhật** CTĐT CLC TT23	7220209CLC
		Sư phạm tiếng Nhật	7140236
		Ngôn ngữ Hàn Quốc** CTĐT CLC TT23	7220210CLC
		Sư phạm tiếng Hàn Quốc	7140237
		Ngôn ngữ Ả Rập	7220211

Phụ lục 3
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số: 796 /BGDĐT-GDĐH ngày 06/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)

Ảnh 4x6

1. **Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*
..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)* **Giới** ☐
2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)
ngày *tháng* *năm*
3. **Số CMND** *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*
4. **Điện thoại** *(như hồ sơ đăng ký dự thi):* **Email:**
5. **Nơi sinh** *(tỉnh, thành phố):*
6. **Năm tốt nghiệp THPT**
7. **Năm đoạt giải:**
8. **Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

Môn đoạt giải
Loại giải, loại huy chương
9. **Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 201.. môn:**
10. **Đăng ký xét tuyển thăng vào trường/ngành học:**

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			
...			

11. **Địa chỉ báo tin:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng .. năm 201

Chữ ký của thí sinh

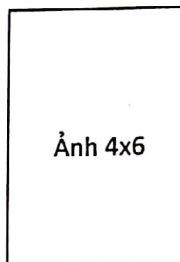
Phụ lục 4

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số: 796/BGDĐT-GDDH ngày 06/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2019..**
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại
điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)



1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày		tháng		năm	

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): Email:

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:
- Năm lớp 11:
- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường.....

Ngày tháng năm 201

Chữ ký của thí sinh

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201..

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5
PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số: 796/BGDĐT-GDĐH ngày 06/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày		tháng		năm			

3. Số CMND (như hồ sơ đăng ký dự thi)

--	--	--	--	--	--	--	--

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi):Email:

5. Nơi sinh (ghi tỉnh, thành phố).

6. Môn đoạt giải: Loại giải, huy chương:

7. Năm đoạt giải.....

8. Năm tốt nghiệp THPT.....

9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển (như hồ sơ đăng ký dự thi):

Số TT	Mã trường (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 201..

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 201

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 6. Phiếu ĐKXT đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level
(Kèm Hướng dẫn số 718 /HD-ĐHQGHN ngày 13 /03/2019 2019 của Giám đốc ĐHQGHN)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính: 3. Email:
4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
 Năm lớp 10: Năm lớp 11:
 Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:

Tỉnh/Thành:, Quận/Huyện/Thị xã:, Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ A - LEVEL CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE

10. Năm thi:..... 11. Tổ hợp các môn thi xét tuyển: (Kê khai điểm thi 3 môn tổ hợp theo khối ĐKXT)

Môn thi	Điểm thi	Tổng điểm
1) Toán		
2) Vật lý		
3) Hóa học		
4) Sinh học		
5) Ngữ văn		
6) Lịch sử		
7)		

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học thành viên hoặc Khoa trực thuộc:

Nguyện vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:.....

Nguyện vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:.....

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu đăng ký xét tuyển tới Hội đồng tuyển sinh của đơn vị.

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:.....

14. Điện thoại:.....

15. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2019 của ĐHQGHN. Nếu có sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ghi chú:

1. Thí sinh gửi Phiếu ĐKXT; Lệ phí xét tuyển, Giấy chứng nhận kết quả A-Level qua chuyển phát nhanh về HĐTS trước ngày 24/8/2019.

2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương về HĐTS các đơn vị từ ngày 25-31/8/2019 để XÁC NHẬN nhập học vào ĐHQGHN.

Ngày tháng năm 2019

HỌ TÊN NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Phụ lục 7. Phiếu ĐKXT đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT
(Kèm Hướng dẫn số 718 /HD-ĐHQGHN ngày 13 /03/2019 của Giám đốc ĐHQGHN)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số hồ sơ (cán bộ tuyển sinh ghi)
Ngày nhận

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019

(Dùng cho thí sinh sử dụng chứng chỉ quốc tế SAT để xét tuyển vào ĐHQGHN)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Giới tính: 3. Email:
4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 5. Nơi sinh: 6. Dân tộc:
7. Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân:
8. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
 Năm lớp 10: Năm lớp 11:
 Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:
9. Hộ khẩu thường trú trong thời gian học THPT:
 Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: , Xã/TT/Phường:

B. KẾT QUẢ KỲ THI CHUẨN HÓA SAT - Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ

10. Năm thi:
11. Điểm thi:

C. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Trường Đại học thành viên hoặc Khoa trực thuộc:
 Nguyện vọng 1: Ngành học 1: Mã xét tuyển:
 Nguyện vọng 2: Ngành học 2: Mã xét tuyển:

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ, gửi kèm theo Phiếu ĐKXT tới Hội đồng tuyển sinh của đơn vị.

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

13. Họ và tên:
14. Điện thoại:
15. Địa chỉ:

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2019 của ĐHQGHN. Nếu có gì sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước HĐTS và pháp luật.

Ghi chú:

1. Thí sinh gửi Phiếu ĐKXT; Lệ phí xét tuyển, Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi SAT qua chuyển phát nhanh về HĐTS trước ngày 24/8/2019.
2. Nếu trúng tuyển, thí sinh nộp bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương về HĐTS các đơn vị từ ngày 25-31/8/2019 để XÁC NHẬN nhập học vào ĐHQGHN..

Ngày tháng năm 2019

HỌ TÊN NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN